

Bản án số: 209/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 7 - 2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Hải An

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trương Thị Kim Cương
2. Ông La Văn Việt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 587/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An

**Bị đơn:** Anh Trương Công M, sinh năm 1983.

Thường trú: Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng

Địa chỉ (tạm trú): Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An

(Các đương sự có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn xin ly hôn ngày 13 tháng 6 năm 2022 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim C trình bày:* Chị và anh Trương Công M chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào năm 2017. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian dài, đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, anh M không quan tâm vợ con, không gánh vác

gia đình cùng chị, chị đã cho anh M nhiều cơ hội để thay đổi nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không khắc phục được; anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay và chị ra ngoài ở riêng từ tháng 5/2022. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trương Công M.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Trương Thị Kiều M, sinh ngày 25/12/2007, con đang sống với anh M. Khi ly hôn, chị đồng ý để anh M tiếp tục nuôi con chung Trương Thị Kiều M, sinh ngày 25/12/2007, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Trương Công M trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Kim C về thời gian chung sống; điều kiện kết hôn, thời gian mâu thuẫn; thời gian ly thân và con chung. Anh thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị C trình bày, tuy nhiên anh thấy rằng cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng, xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ trong gia đình có thể giải quyết được. Nay chị C xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Trương Thị Kiều M, sinh ngày 25/12/2007 con đang sống với anh. Trong trường hợp ly hôn, anh đồng ý tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự đều thống nhất các chứng cứ của vụ án đã được giao nộp đầy đủ và được công khai đúng thủ tục nhưng kết quả hòa giải không thành.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim C khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Trương Công M; anh M hiện đang tạm trú tại ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Thấy rằng, trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị Kim C cho rằng do cuộc sống không phù hợp, anh M không quan tâm và gánh vác gia đình cùng chị nên anh chị đã ly thân từ tháng 5/2022 đến nay. Mâu thuẫn giữa anh chị cũng không được chính quyền địa phương và gia đình hai bên giải quyết. Anh Trương Công M cũng xác nhận cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng từ khi sống ly thân đến nay, anh Trương Công M không tìm ra được biện pháp nào để

vợ chồng đoàn tụ, trong khi chị Nguyễn Thị Kim C xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh Trương Công M nên kiên quyết yêu cầu ly hôn. Do đó, có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim C và anh Trương Công M đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Từ các phân tích trên, xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim C đối với anh Trương Công M là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim C và anh Trương Công M thống nhất có 01 con chung tên Trương Thị Kiều M, sinh ngày 25/12/2007. Anh Trương Công M hiện là người trực tiếp chăm sóc con chung. Chị C đồng ý giao con chung cho anh M tiếp tục nuôi. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung Trương Thị Kiều M cho anh M nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về cấp dưỡng: anh Trương Công M không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim C và anh Trương Công M trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim C và anh Trương Công M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 273, 483, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim C đối với anh Trương Công M về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim C được ly hôn với anh Trương Công M.

- Về con chung: Anh Trương Công M được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung tên Trương Thị Kiều M, sinh ngày 25/12/2007. Chị Nguyễn Thị Kim C không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Trương Công M không có yêu cầu.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006848 ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành. Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Kim C số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006849 ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hoà;
- UBND xã H ;
- Chi cục THADS huyện Đức Hoà;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Nguyễn Hải An**